TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST.
Ngày: 28 - 5 - 2020.
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Lao

Bà Nguyễn Thị Chiều.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2019/TLST- DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Văn Quốc B, sinh năm 1968; có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 141, tổ 13, phường P, Quận B, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1991; vắng mặt.

Địa chỉ: Cụm 6, xã Thọ A, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1974, có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 141, tổ 13, phường P, Quận B, Thành phố Hà Nội.

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990, vắng mặt.

Địa chỉ: Cụm 6, xã Thọ A, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo nguyên đơn là ông Văn Quốc B trình bày:* Vợ chồng anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị L trước đây có thuê nhà của vợ chồng ông để ở. Anh T, chị L cần tiền làm ăn và lo công việc gia đình nên đã hỏi vay vợ chồng ông tiền. Vợ chồng ông đã cho anh T, chị L vay tổng số tiền là 100.000.000 đồng, vay làm hai lần: lần 1 vào ngày 02/11/2016 số tiền 50.000.000 đồng, lần hai vào ngày 24/11/2016 số tiền 50.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy vay tiền ghi ngày 24/11/2016, anh T và chị L ký tên vào bên người vay ở giấy vay tiền, hẹn đến tháng 12/2017 sẽ trả. Khi ông bà cho vay tiền, cả anh T và chị L đều có mặt. Đến ngày hẹn trả nợ nhưng anh T, chị L không trả. Sau đó, ông đã nhiều lần đến nhà anh T đòi nợ, anh T không trả còn nói ông muốn làm gì thì làm. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T, chị L phải trả vợ chồng ông số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng. Ông không yêu cầu anh T, chị L trả số tiền lãi của khoản nợ trên.

- *Bị đơn anh Lê Văn T trình bày:* Ông Văn Quốc B và bà Nguyễn Thị Y là chủ nhà nơi anh thuê nhà để ở. Ngày 24/11/2016 anh có vay ông B số tiền 100.000.000 đồng, sau đó anh đã trả được 50.000.000 đồng; đến năm 2017 anh lại vay ông B số tiền 50.000.000 đồng nữa. Sau đó, do làm ăn vỡ nợ nên anh mới trả được ông B số tiền 24.000.000 đồng. Các lần trả nợ anh không yêu cầu ông B ký nên anh không có tài liệu, chứng cứ thể hiện việc anh đã trả được bớt nợ cho ông B. Tính đến nay anh còn nợ ông B số tiền là 76.000.000 đồng. Số tiền anh vay của ông B để sử dụng vào việc kinh doanh cốt pha xây dựng, phát triển kinh tế gia đình. Khoản tiền vay của ông B vợ anh là chị Nguyễn Thị L cũng biết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hải Y trình bày:* Nội dung việc anh Lê Văn T vay nợ phù hợp với nội dung ông Văn Quốc B đã trình bày. Bà xác nhận số tiền cho vay là của vợ chồng nên bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T, chị L phải trả cho vợ chồng bà số tiền là 100.000.000 đồng.

- Sau khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của ông Văn Quốc B, Tòa án đã thông báo cho chị Nguyễn Thị L biết yêu cầu khởi kiện của ông B. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo để chị L trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của ông B và đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị L đều vắng mặt. Do vậy, Tòa án không ghi được ý kiến của chị L.

Tại phiên tòa, ông Văn Quốc B và bà Nguyễn Thị Hải Y giữ nguyên yêu cầu, đề nghị đã trình bày nêu trên. Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Văn Quốc B, buộc anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị L phải trả ông Văn Quốc B, bà Nguyễn Thị Hải Y số tiền 100.000.000 đồng. Anh T, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Văn Quốc B khởi kiện yêu cầu đòi nợ đối với anh Lê Văn T, đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo qui định của Bộ luật dân sự. Anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị L có địa chỉ cư trú tại Cụm 6, xã Thọ A, huyện Đ, Thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Đ, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng trong vụ án: Ông Văn Quốc B là người khởi kiện nên là nguyên đơn, anh Lê Văn T bị khởi kiện nên là bị đơn, còn bà Nguyễn Thị Hải Y và chị Nguyễn Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự tố tụng theo qui định của Bộ luật tống tụng dân sự; tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tổ chức phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng anh T, chị L đều vắng mặt nên không hòa giải được vụ án. Vì vậy, căn cứ Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo trình tự tố tụng dân sự pháp luật qui định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu do đương sự xuất trình, xác định giữa ông Văn Quốc B và anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị L có ký kết hợp đồng vay nợ với nhau, được thể hiện trên cở sở Giấy vay tiền đề ngày 24/11/2016 với số tiền hai lần vay tổng là 100.000.000 đồng, về thời hạn vay tiền đến tháng 12/2017. Theo ông Văn Quốc B thì mục đích vợ chồng anh T, chị L vay tiền của ông và bà Y là để sử dụng làm ăn và công việc gia đình. Theo anh T thì ngày 24/11/2016 anh có vay của ông B số tiền 100.000.000 đồng, đã trả được số tiền 50.000.000 đồng, đến năm 2017 anh có vay thêm số tiền 50.000.000 đồng, sau đó anh đã trả ông B được số tiền 24.000.000 đồng, tính đến nay anh còn nợ ông B số tiền là 76.000.000 đồng. Số tiền anh vay ông B mục đích để sử dụng kinh doanh cốt pha xây dựng phát triển kinh tế gia đình, vợ anh là chị L cũng biết việc anh vay ông B số tiền này.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, phía ông Văn Quốc B và bà Nguyễn Thị Hải Y khẳng định số tiền 100.000.000 đồng cho anh T, chị L vay theo nội

dung Giấy vay nợ ngày 24/11/2016 đã ghi nhận là đúng. Anh T và chị L chưa trả cho ông bà số tiền nào. Ông B, bà Y yêu cầu anh T, chị L phải trả ông bà số tiền nợ 100.000.000 đồng theo Giấy vay nợ đã ký nhận là có căn cứ.

Phía anh T trình bày đã trả cho ông B 24.000.000 đồng nhưng ông B không thừa nhận, ngoài ý kiến trình bày của anh T gửi Tòa án ngày 28/2/2020 thì anh T không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh số tiền anh đã trả ông B nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu, đề nghị của anh T.

Ông B và bà Y đều xác định số tiền cho vay là tiền do ông bà tích cóp được mà có nên xác định là tài sản chung của ông B, bà Y. Trong Giấy vay tiền đề ngày 24/11/2016 có chữ ký của anh T và chị L, anh T cũng xác định số tiền anh vay của ông B sử dụng để phát triển kinh tế gia đình, chị L cũng biết việc anh vay số tiền này. Do vậy, xác định số tiền vay nợ là khoản nợ chung của anh T, chị L.

Ông B, bà Y không yêu cầu tính lãi suất số tiền anh T, chị L phải trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của ông Văn Quốc B được chấp nhận nên ông B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, vì vậy trả lại ông B số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về Hợp đồng vay tài sản của ông Văn Quốc B.

2. Buộc anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị L phải trả nợ ông Văn Quốc B và bà Nguyễn Thị Hải Y số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí: Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị L phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại ông Văn Quốc B số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014227 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

4. Quyền kháng cáo: Ông Văn Quốc B và bà Nguyễn Thị Hải Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doãn Văn Tuyến

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doãn Văn Tuyến